TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Dũng.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST-DS ngày 03/9/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-DS ngày 06/11/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*****: Ngân hàng L**; địa chỉ: Số 4 P, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật bà A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông T - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch huyện T. *(Có mặt)*

- ***Bị đơn*****:** Anh **P**, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt lần 2 không lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Anh P có ký hợp đồng tín dụng số NT1751.02/HĐTD ngày 03/7/2013 với Ngân hàng L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 75.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn trồng lúa, nuôi tôm. Giải ngân ngày 03/7/2013, thời hạn vay là 13 tháng. Lãi suất cho vay kể từ ngày 03/7/2013 đến ngày 02/01/2014 là 1,3%/tháng, kể từ ngày 03/01/2014 trở đi lãi cho vay được điều chỉnh 06 tháng 01

lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Kể từ khi vay cho đến nay anh P liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa: Ngân hàng yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 25/11/2019) số tiền 176.777.375 đồng (trong đó: nợ gốc 75.000.000 đồng; lãi trong hạn 12.840.500 đồng; lãi quá hạn 88.936.875 đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Sau khi án có hiệu lực mà anh P không thanh toán nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số NT1751/HĐTC ngày 14/9/2011 để thanh toán nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số BA 120954, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, diện tích 8.015 m^2, thửa 209, tờ bản đồ số 12 và Quyền sử dụng đất số BA 120956, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, diện tích 11.353 m^2, thửa 117, tờ bản đồ số 12, do anh P đứng tên.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị chấp chận yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh P đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, sau đó Ngân hàng có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh P ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng L, nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 03/7/2013 anh P ký hợp đồng tín dụng số NT1751.02/HĐTD với Ngân hàng L để vay số tiền 75.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 13 tháng; lãi suất cho vay kể từ ngày 03/7/2013 đến ngày 02/01/2014 là 1,3%/tháng, kể từ ngày 03/01/2014 trở đi lãi cho vay được điều chỉnh 06 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đồng thời anh P có thế chấp tài sản theo hợp đồng số NT1751/HĐTC ngày 14/9/2011, gồm: Quyền sử dụng đất số BA 120954, loại đất ONT,CLN, diện tích 8.015 m^2, thửa 209, tờ bản đồ số 12 và Quyền sử dụng đất số BA 120956, loại đất CLN, diện tích 11.353 m^2, thửa 117, tờ bản đồ số 12, đều tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang do anh P đứng tên.

Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng giải ngân, anh P đã nhiều lần vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Tại biên bản ghi lời khai của bà T là mẹ ruột của anh P, bà có trình bày hiện nay anh P đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, bà biết anh P có vay tiền Ngân hàng nhưng không biết số tiền bao nhiêu; các văn bản Tòa án giao bà nhận thay đều có thông báo cho anh P biết nhưng anh P nói đang bận làm không về được, khi nào lãnh được tiền bảo hiểm sẽ về thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn là Ngân hàng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh P vay tiền 75.000.000 đồng, anh P không có ý kiến phản bác. Hợp đồng có thỏa thuận lãi suất không vượt mức quy định, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Theo đó, buộc anh P trả cho Ngân hàng số tiền 176.777.375 đồng (trong đó: nợ gốc 75.000.000 đồng; lãi trong hạn 12.840.500 đồng; lãi quá hạn 88.936.875 đồng). Đồng thời anh P phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng đã ký đối với số nợ chưa thi hành kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ. Sau khi án có hiệu lực mà anh P không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số NT1751/HĐTC ngày 14/9/2011 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số BA 120954, loại đất ONT,CLN, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, diện tích 8.015 m^2, thửa 209, tờ bản đồ số 12 và Quyền sử dụng đất số BA 120956, loại

đất CLN, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, diện tích 11.353 m^2, thửa 117, tờ bản đồ số 12 (đều do anh P đứng tên).

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh P chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ 176.777.375 đồng cho Ngân hàng. Như vậy anh P chịu án phí là 8.838.000 đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng L đối với anh P; buộc anh P trả cho Ngân hàng số tiền 176.777.375 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: nợ gốc 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng); lãi tính đến ngày 25/11/2019 là: lãi trong hạn 12.840.500 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng); lãi quá hạn 88.936.875 đồng (Tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Sau khi án có hiệu lực mà anh P không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số NT1751/HĐTC ngày 14/9/2011 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số BA 120954, loại đất ONT,CLN, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, diện tích 8.015 m^2, thửa 209, tờ bản đồ số 12 và Quyền sử dụng đất số BA 120956, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, diện tích 11.353 m^2, thửa 117, tờ bản đồ số 12 (đều do anh P đứng tên).

2. Án phí sơ thẩm: Anh P chịu án phí là **8.838.000** đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **4.931.500** đồng (Bốn triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006177 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA

Ngô Trường Hận